TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hồng Thanh;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1989; thường trú: Thôn 12 xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Đình Th, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 12 xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 32 khu phố Ch, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 5 năm 2021, lời khai trong quá trình tố tụng, chị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình Th tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2012 ngày 28 tháng 11 năm 2012. Việc tìm hiểu, chung sống và kết hôn là tự nguyện

và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị S yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình Th.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên Lê Đình H, sinh ngày 17/01/2013, Lê Đình Q, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Đình Chí Th, sinh ngày 02/01/2017. Sau ly hôn chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiện và đồng ý giao hai cháu Hiếu, Quyết cho anh Lê Đình Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Lê Đình Th có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 03/12/2021, anh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình Th thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị S về nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Anh Th thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên Lê Đình H, sinh ngày 17/01/2013, Lê Đình Q, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Đình Chí Th, sinh ngày 02/01/2017. Sau ly hôn anh Th trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Hiếu, Q và đồng ý giao cháu Thcho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Lê Đình Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S và bị đơn anh Lê Đình Th đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị S và anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Th, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2012 ngày 28 tháng 11 năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND phường T ngày 16/12/2021 thể hiện: Mâu thuẫn của chị S và anh Th chính quyền địa phương không rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình Th đều thống nhất vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn của chị S và anh Th đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Qúa trình giải quyết vụ án, chị S và anh Th thuận tình ly hôn, tuy nhiên do chị S và anh Th vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không thể công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đình Chí Th, sinh ngày 02/01/2017 và đồng ý giao hai cháu Lê Đình H, sinh ngày 17/01/2013 và Lê Đình Q, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Lê Đình Th trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của anh Th và cháu Hiếu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Đình Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2012 ngày 28 tháng 11 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2012).

2. Về con chung: Anh Lê Đình Th giao con chung Lê Đình Chí Th, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị S giao hai con chung Lê Đình H, sinh ngày 17/01/2013 và Lê Đình Q, sinh ngày 01/01/2016 cho anh Lê Đình Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Đình Th và chị Nguyễn Thị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình Th đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049682 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã T, huyện Châu Th, tỉnh Tiền Giang;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm